

Bản án số: 412/2018/HSPT

Ngày: 26/6/2018

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Tự Học;

*Các Thẩm phán:* Ông Bùi Thế Linh;

Ông Hoàng Văn Hạnh.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Bùi Quang Huy, cán bộ Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*  
Ông Phạm Văn Hòa, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 183/2018/TLPT-HS ngày 06 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo Dương Tuấn A (tức Dương Anh T) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HSST ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

***\* Bị cáo có kháng cáo:***

**1. Dương Tuấn A (Dương Anh T)**, sinh năm 1963; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu phố Song Th, phường Châu Kh, thị xã Từ S, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 10/10; con ông Dương Văn Q và bà Nguyễn Thị Nh; vợ là Chu Thị Th1 và 02 con lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 22/01/1992 Tòa án nhân dân huyện Tiên S, tỉnh Hà Bắc tuyên phạt Dương Tuấn A 12 tháng tù giam về tội “Loạn luân”; Ngày 17/10/1991 có hành vi Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài, Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Hà Bắc xét thấy không cần thiết phải truy cứu TNHS nên quyết định không khởi tố vụ án hình sự và khởi tố bị can. Bị bắt, tạm giam từ ngày 28/3/2017 đến nay.

**2. Trần Đình Đ**, sinh năm 1977; Nơi ĐKNKKT và chỗ ở: Thôn Vĩnh Ph, xã Chu M, huyện Ba Vi, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 17/12; con ông Trần Đình Th2 và bà Nguyễn Thị L; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt, tạm giam từ ngày 12/6/2017 đến nay.

**\* Người bào chữa cho bị cáo Dương Anh T:** Luật sư Trần Văn Tr Văn phòng luật sư Trần Tr và cộng sự - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; vắng mặt gửi bản bào chữa.

*\* Người bị hại:* Anh Trần Văn M1, sinh năm 1963 và chị Phạm Thị Khuê D, sinh năm 1964. Đều trú tại: Số nhà 27, tổ 8, phường Lê Hồng Ph1, Thành phố Phủ L1, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

***\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Công ty CPĐT và PTGDQT Khoa Việt 1. Đại diện là bà Nguyễn Thị N, Tổng giám đốc công ty. Địa chỉ: Số 52, ngõ 2, phố Hoa L2, phường Lê Đại H, quận Hai Bà Tr1, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

2. Trần Thị Trà M2, sinh năm 1997; trú tại: Số nhà 27, Tổ 8, phường Lê Hồng Ph1, thành phố Phủ L1, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

3. Đinh Nam H1, sinh năm 1968; trú tại: 115 Phan Văn Tr2, phường Dịch V, quận Cầu Gi, thành phố Hà Nội. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

4. Chu Thị Th1, sinh năm 1965; trú tại: Khu phố Song Th, phường Châu Kh, thị xã Từ S, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

5. Nguyễn Thị L, sinh năm 1955; trú tại: Thôn Vĩnh Ph, xã Chu M, huyện Ba Vi, thành phố Hà Nội.

6. Trần Tử Q1, sinh năm 1947; trú tại: Thôn Nhật T1, xã Trường Y, huyện Chương M3, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

7. Võ Thị T2, sinh năm 1962; trú tại : Số 14, ngách 30, ngõ 191, phường Minh Kh2, quận Hai Bà Tr1, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

8. Nguyễn Thị T3, sinh năm 1971; trú tại: Phòng 302 khu chung cư Bắc Đ1, phường Mỹ Đ2 2, quận Nam Từ 3, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

9. Nguyễn Thị N, sinh năm 1983; trú tại: Phòng 204, tòa A6B khu đô thị Nam Trung Y1, phường Trung H2, quận Cầu Gi, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2015 Trần Đình Đ cùng với Dương Tuấn A bàn thống nhất đóng vai, tự xưng danh là cán bộ công tác trong lực lượng Công an, có khả năng xin cho những người có nhu cầu vào học tại các trường Công an nhân dân để nhận tiền rồi chiếm đoạt.

Tháng 7/2015 Tuấn A gặp Đinh Nam H1, sinh năm 1968, nơi ĐKNKTT số 115 Phan Văn Tr2, phường Dịch V, quận Cầu Gi, thành phố Hà Nội hiện đang bị tạm giam trong vụ án khác, tự giới thiệu bản thân Tuấn A đang công tác trong lực lượng đặc biệt “chìm” trong ngành Công an và làm công tác tuyển

dụng đồng thời giới thiệu có Công ty cổ phần đầu tư và phát triển giáo dục quốc tế Khoa Việt 1 có trụ sở tại Phòng 503, nhà N06, ngõ 49 Trần Đăng N1, quận Cầu Gi, thành phố Hà Nội là sân sau của các lãnh đạo Bộ công an. Do tin tưởng, H1 đã giới thiệu anh Trần Văn M1, sinh năm 1963 cùng vợ là chị Phạm Thị Khuê D, sinh năm 1964 đều trú tại tổ 8, phường Lê Hồng Ph1, thành phố Phủ L1, tỉnh Hà Nam đến gặp Tuấn A để xin cho cháu Trần Thị Trà M2, sinh năm 1997 (là con gái anh M1, chị D) vào học tại trường Đại học kỹ thuật hậu cần Công an nhân dân, Tuấn A đặt giá xin cho cháu Trà M2 vào học tại Trường Đại học kỹ thuật hậu cần Công an nhân dân với giá 750 triệu đồng, anh M1 đồng ý. Sau đó Tuấn A thỏa thuận với Đ xin cho cháu Trà M2 với giá 200 triệu đồng. Để tạo niềm tin, Đ đưa 02 bộ hồ sơ để Tuấn A đưa lại cho cháu Trà M2 ke khai rồi nộp lại cho Tuấn A.

Ngày 10/11/2015 anh M1, chị D cùng H1 đi đến Công ty cổ phần đầu tư và phát triển giáo dục quốc tế Khoa Việt 1 gặp Tuấn A. Tại đây vợ chồng anh M1 đã đưa cho Tuấn A tiền mặt 420 triệu đồng để xin học cho cháu Trà M2. Sau khi nhận tiền, Tuấn A đã viết giấy biên nhận với nội dung để làm việc theo thỏa thuận với gia đình anh M1.

Ngày 13/11/2015 Tuấn A tiếp tục yêu cầu chị D chuyển 80 triệu đồng vào tài khoản số 00611001899257 của Tuấn A tại Ngân hàng VCB Ba Đình, Hà Nội, chị D đồng ý và chuyển 80 triệu đồng vào tài khoản tiền của Tuấn A.

Ngày 20/11/2015 Tuấn A trực tiếp về nhà anh M1 yêu cầu giao nốt số tiền 250 triệu đồng nhưng anh M1 chưa giao tiền. Để tạo niềm tin, ngày 02/12/2015 Tuấn A tự tạo lập giả danh sách học viên vào ngành Công an trong đó có tên cháu Trần Thị Trà M2 trúng tuyển vào trường Đại học kỹ thuật hậu cần rồi đưa cho Đ để xin chữ ký Trần Tử Q1, sinh năm 1947, trú tại thôn Nhật T1, xã Trường Y, huyện Chương M3, Hà Nội và đóng dấu “Ban cố vấn chiến lược, tổ công tác đặc biệt” sau đó đưa lại cho Tuấn A. Khi nhờ Q1 ký, Đ nói là danh sách cán bộ Công ty của Đ dùng để đi đường.

Ngày 07/12/2015 tại phòng 503, nhà N06, ngõ 49 Trần Đăng N1, quận Cầu Gi, Hà Nội, Tuấn A đưa danh sách trúng tuyển có tên cháu Trần Thị Trà M2 cho anh M1, chị D và H1 xem. Anh M1 giao nốt 250 triệu đồng cho Tuấn A. Sau khi nhận đủ tiền, Tuấn A đưa 200 triệu đồng nhờ Nguyễn Thị N chuyển vào tài khoản 45110000335426 của Trần Đình Đ tại Ngân hàng TMCP&PT Việt Nam chi nhánh Sơn Tây.

Tối ngày 07/01/2016, Đ, Tuấn A, N gặp nhau ở quán cà phê thuộc khu vực bến xe Mỹ Đ2. Tại đây Đ và Tuấn A bàn bạc việc tổ chức cho cháu Trần Thị Trà M2 cùng các trường hợp khác, đang nhờ Tuấn A xin nhập học vào các trường Công an để đi khám sức khỏe vào sáng ngày 08/01/2016. Đ đồng ý rồi

điện thoại nhờ chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1971, trú tại phường Mỹ Đ2, quận Từ L3, Hà Nội, cán bộ khoa khám bệnh của Bệnh viện 198 hướng dẫn thủ tục khám tuyển cho một số trường hợp khám bệnh để đi làm. Đến ngày 08/01/2016, lấy lý do bận, Tuấn A giao cho N đến Bệnh viện để tập hợp chứng minh thư nhân dân của những người đi khám tuyển trong đó có cháu Trà M2 rồi cùng chị T3 làm thủ tục khám sức khỏe. Do chị T3 bận việc gia đình nên đã nhờ chị Võ Thị T2, sinh năm 1962, trú tại số 14 ngách 30, ngõ 191, phường Minh Kh2, quận Hai Bà Tr1, Hà Nội (nguyên là cán bộ khám bệnh của Bệnh viện 198) thay chị T3 làm thủ tục khám sức khỏe cho các trường hợp trên. Trong khi chị T2 và N đang đưa các trường hợp đi khám thì bị tổ công tác Bộ công an phối hợp với Công an phường Mai Dịch, quận Cầu Gi phát hiện yêu cầu về Cơ quan CSĐT Công an quận Cầu Gi để giải quyết, còn Tuấn A bỏ trốn khỏi địa phương.

Ngày 22/3/2016, anh Trần Văn M1 làm đơn tố cáo Dương Tuấn A lừa đảo chiếm đoạt số tiền 750 triệu đồng đến cơ quan Công an tỉnh Hà Nam. Ngày 28/3/2017, Dương Tuấn A bị Cơ quan CSĐT Công an Hà Nam bắt truy nã tại phố Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Thu giữ của Tuấn A 06 điện thoại di động, 01 đồng hồ đeo tay, 01 túi sách màu đen và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 29D1-845.41. Ngày 12/6/2017, Cơ quan CSĐT Công an Hà Nam bắt tạm giam Trần Đình Đ.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Nam tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Dương Tuấn A tại phố Song Th, phường Châu Kh, thị xã Từ S, tỉnh Bắc N1 và tại số nhà 273 phố Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, thu giữ một số tài liệu thể hiện qua biên bản khám xét và niêm phong tại bút lục số 17, 18, 19, 42, 43, 44 có trong hồ sơ và hiện cơ quan CSĐT đang lưu giữ.

Ngoài ra còn thu giữ các tài liệu, vật chứng có liên quan của các cá nhân, tổ chức giao nộp gồm: 01 giấy nhận tiền ngày 10/11/2015 và ngày 07/12/2015 giữa Dương Tuấn A và Trần Văn M1; Chứng từ giao dịch - giấy vay tiền ngày 13/11/2015 số tài khoản 00611001899257 do Trần Văn M1 giao nộp; 01 bản gốc hồ sơ giấy đề nghị mở tài khoản cá nhân của khách hàng Dương Tuấn A do Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình cung cấp; 01 ảnh photo trên giấy A4 có ghi chữ “còn chưa sao kê ở Ngân hàng...” 01 chứng minh thư photo của Trần Văn T2; 01 thông báo của Dương Anh T gửi Trần Văn T2; 01 chùm chìa khóa gồm 5 chìa; 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng hình tròn; 01 điện thoại sam sung màu đồng được phát hiện thu giữ khi bàn giao Dương Tuấn A vào Trại tạm giam Công an Hà Nam.

Phong bì dịch vụ chuyển phát nhanh BC cầu Gi; đơn xin xét duyệt vào công tác trong lực lượng Công an nhân dân mang tên Trần Thị Trà M2; Lý lịch

tự khai của Trần Thị Trà M2 do Trường cao đẳng CSND I (cơ sở 2) cung cấp; phiếu kết quả xét nghiệm; phiếu chụp X Quang; Phiếu xét nghiệm huyết học; Phiếu xét nghiệm sinh hóa của Trần Thị Trà M2 do Bệnh viện 198 Bộ công an cung cấp.

Cơ quan CSĐT Công an Hà Nam ra quyết định trưng cầu phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam giám định chữ viết, chữ ký ghi Dương Anh T trong tài liệu Giấy nhận tiền đề ngày 10/11/2015, 07/12/2015 do Trần Văn M1 giao nộp ký hiệu A1 so sánh với chữ ký, chữ viết ghi Dương Anh T trong giấy đề nghị mở tài khoản cá nhân Dương Anh T ký hiệu M1, giấy do Dương Anh T ghi số liệu nhận tiền và số điện thoại của Trần Đình Đ ký hiệu M2, giấy thông báo gửi Trần Văn T2 ký hiệu M3, giấy đăng ký mở tài khoản và sử dụng dịch vụ của khách hàng Dương Anh T ký hiệu M4 và giám định dấu vết đường vân trong tài liệu tờ khai chứng minh thư nhân dân số 125152751 ghi Dương Anh T ký hiệu A1, chỉ bản số 125152751 ghi Dương Anh T ký hiệu A2, chỉ bản số 161 ghi Dương Anh T ký hiệu A3 so sánh với đường vân trong tờ khai chứng minh thư nhân dân số 120094679 ghi Dương Tuấn A ký hiệu M1, chỉ bản số 9042 ghi Dương Tuấn A ký hiệu M2; trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ công an giám định chữ viết, chữ ký đối với phong bì dịch vụ chuyển phát nhanh ngày 03/12/2015 của BC Cầu Giấy ký hiệu H1, giấy đề nghị kiêm hợp đồng đăng ký thông tin khách hàng và dịch vụ mở tài khoản của khách hàng Trần Đình Đ ngày 24/9/2015 ký hiệu H2 so sánh với chữ viết, chữ ký của Dương Tuấn A trong các tài liệu điều tra ký hiệu M1 đến M5 và chữ viết, chữ ký của Trần Đình Đ trong các tài liệu điều tra ký hiệu M6 đến M8.

Tại bản kết luận giám định số 11/GĐTL-PC54 ngày 13/5/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam kết luận: Hai chữ ký mang danh Dương Anh T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 với chữ ký mang danh Dương Anh T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 và M4 là chữ ký của một người. Chữ viết có nội dung ghi nhận nợ tiền trên giấy nhận tiền ký hiệu A1 với chữ viết mẫu so sánh trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 và M2 do cùng một người viết ra.

Tại bản kết luận giám định số 25/PC54-ĐV ngày 27/6/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam kết luận: Dấu vân tay in trên tài liệu ký hiệu A1, A2, A3 với dấu vân tay in trên tài liệu ký hiệu M1, M2 là của cùng một người. Kết luận giám định số 36666/C54-P5 ngày 16/8/2017 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: Chữ viết dưới các mục “NGƯỜI GỬI/FROM”; “NGƯỜI NHẬN/TO” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết của Dương Tuấn A trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M5 do cùng một người viết ra. Chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ viết của

Trần Đình Đ trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M6, M7, M8 không phải do cùng một người viết ra. Chữ ký, chữ viết dưới các mục “Chữ ký mẫu”; “Người đề nghị người đại diện theo pháp luật” trên tài liệu A2 so với chữ ký, chữ viết của Trần Đình Đ trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M6, M7, M8 do cùng một người ký, viết ra.

Tiến hành khai thác dữ liệu chiếc điện thoại di động Sam sung màu đồng thu của Dương Tuấn A xác định: Trong máy ĐTDĐ có hình ảnh danh sách học viên đề ngày 02/12/2015 chữ ký và dấu Trần Tử Q1, trong danh sách có tên Trần Thị Trà M2 và một số hình ảnh liên quan đến vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết, chị Chu Thị Th1 là vợ Dương Tuấn A đã tự nguyện bồi thường trả lại cho gia đình anh Trần Văn M1 số tiền 270 triệu đồng, còn lại số tiền 480.000 đồng anh M1 không yêu cầu Dương Tuấn A trả. Bà Nguyễn Thị L là mẹ Trần Đình Đ đã tự nguyện bồi thường trả cho gia đình anh Trần Văn M1 số tiền 200 triệu đồng.

Với hành vi phạm tội nêu trên, tại Cáo trạng số 35/KSĐT ngày 23 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đã truy tố Dương Tuấn A theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự và Trần Đình Đ theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự đều về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HSST ngày 23/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Dương Tuấn A (Dương Anh T) và Trần Đình Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 139; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 45; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt Dương Tuấn A (Dương Anh T) 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/03/2017. Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

Áp dụng điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 45; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt Trần Đình Đ 7 năm 6 tháng (Bảy năm sáu tháng) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/6/2017. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/02/2018, bị cáo Trần Đình Đ có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 05/02/2018, bị cáo Dương Anh T (Dương Tuấn A) có đơn kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích tính chất mức độ hành vi của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc Tòa án sơ thẩm xử các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ đúng người, đúng tội không oan.

Hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng lợi dụng lòng của người bị hại để chiếm đoạt tài sản do đó Tòa án sơ thẩm xử bị cáo mức án như vậy là phù hợp.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Bị cáo Dương Tuấn A kháng cáo kêu oan, bị cáo Đ xin giảm hình phạt nhưng tại cấp phúc thẩm thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Xem xét hình phạt của Đ: Kiến nghị cấp xem xét về hình phạt và Điều khoản truy tố đối với bị cáo Đ.

Luật sư vắng mặt gửi bài bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi của bị cáo với anh M1, chị D chỉ là quan hệ dân sự. Luật sư cho rằng bị cáo bị xét xử oan, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Mặt khác nếu Hội đồng xét xử thấy bị cáo có hành vi phạm tội thì đề nghị xem xét vai trò của các bị cáo, người liên quan và các tình tiết giảm nhẹ để giảm hình phạt cho bị cáo. Bị cáo Dương Tuấn A cho rằng bị cáo bị oan đề nghị xem xét. Bị cáo Đ xin giảm nhẹ hình phạt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị xem xét cho các bị cáo.

Phản đối đáp Viện kiểm sát và Luật sư giữ nguyên như ở phần tranh luận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa bị cáo Dương Tuấn A thừa nhận, bị cáo có nhận 750 triệu đồng của gia đình anh Trần Văn M1, để nhờ Trần Đình Đ xin cho cháu Trần Thị Trà M2 vào học tại trường Đại học kỹ thuật hậu cần Công an nhân dân, xong bị cáo không thừa nhận có việc bàn bạc với Trần Đ2 Đ thực hiện hành vi giả là cán bộ Công an để lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo cho rằng số tiền 750 triệu đồng gia Đ2 bị cáo đã trả gia Đ2 anh M1 trước khi cơ quan điều tra khởi tố vụ án nên bị cáo không phạm tội. Tuy nhiên, lời khai của bị hại anh M1 cho rằng, bị cáo Tuấn A có nhận số tiền 750 triệu đồng của vợ chồng anh, khi không thấy lo được việc cho cháu Trà M2 nên ngày 22/3/2016 anh M1 đã làm đơn tố cáo Dương Tuấn A đến Cơ quan Công an tỉnh Hà Nam, đến ngày 05/3/2017 vợ bị

cáo Tuấn A đã tự nguyện trả lại cho anh M1 270 triệu đồng là trên thực tế, nhưng trong giấy biên nhận được gia Đ2 anh M1 nhất trí ghi 750 triệu đồng, số tiền còn lại bị cáo vẫn chưa trả cho gia Đ2 anh M1. Việc hoàn trả một phần số tiền đã chiếm đoạt chỉ là biện pháp khắc phục hậu quả, tội phạm đã hoàn thành nên ngày 23/3/2007 Cơ quan điều tra khởi tố vụ án là đúng quy định. Và tòa án cấp sơ thẩm đã xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 200 triệu đồng của Trần Đ2 Đ phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự là có căn cứ là đúng người, đúng tội không oan.

Hành vi của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác và ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt, gây bức xúc cho gia Đ2 bị hại và làm mất trật tự trị an ở địa phương. Các bị cáo lợi dụng sơ hở, lòng tin của người dân mong muốn xin việc, xin học cho con em họ rồi chiếm đoạt tài sản, sự việc đó đã và đang gây ra những thiệt hại nghiêm trọng về tài sản, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong nhân dân do đó đòi hỏi phải xử phạt thật nghiêm khắc đối với các bị cáo, buộc các bị cáo phải cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung như bản án sơ thẩm quy kết là có căn cứ.

Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo kháng cáo, xét kháng cáo của các bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo và đã xử bị cáo ở mức trên khởi điểm của điều luật là có căn cứ, tại cấp phúc thẩm thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Đ và kháng cáo kêu oan của bị cáo Dương Tuấn A được cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí hình sự phúc thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

### **QUYẾT ĐỊNH**

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

1. Tuyên bố bị cáo Dương Tuấn A (Dương Anh T) và Trần Đình Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 139; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 45; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt Dương Tuấn A (Dương Anh T) 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/03/2017. Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000 (Mười lăm triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

Áp dụng điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 45; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt Trần Đình Đ 7 năm 6 tháng (Bảy năm sáu tháng) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/06/2017. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 (Mười triệu) đồng sung quỹ nhà nước.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Dương Tuấn A (Dương Anh T) và Trần Đình Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Công an tỉnh Hà Nam;
- Trại tạm giam tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo (qua trại);
- Người LQ (theo đ/c/);
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Tự Học**